

Bản án số: 14/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 02 - 2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Dung

Ông Đặng Bắc

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuỳ Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2024/TB- TLVA ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991; Nơi thường trú trước khi xuất cảnh: Xóm G, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang ở Đài Loan (*có đơn xin xét xử vắng mặt*);

Bị đơn: Anh Tổng Văn K, sinh ngày 1990; Nơi thường trú: Xóm G, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang ở Đài Loan (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào ngày 04/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hạnh phúc cùng với bố mẹ đẻ của anh K. Đến năm 2015, chị và anh K cùng đi lao động tại Đài Loan, nhưng do công việc khác nhau nên vợ chồng ở xa nhau. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2017, anh chị không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ đó tới nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh K, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Tống Thị Tú U, sinh ngày 25/6/2012. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên hiện nay chị đang làm việc tại Đài Loan, đến tháng 3 năm 2025 chị mới hết hạn hợp đồng lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho ông Tống Văn T1 và bà Vũ Thị T2 là bố mẹ đẻ của anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu U cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày quan điểm của ông Tống Văn T1 và bà Vũ Thị T2 là bố mẹ đẻ của anh K gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên trình bày:

Anh K biết việc chị T xin ly hôn, anh K xác định anh và chị T có mâu thuẫn với nhau, anh nhất trí ly hôn với chị T. Hai vợ chồng có 01 con chung là Tống Thị Tú U, sinh ngày 25/6/2012, anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Trong thời gian chị T làm việc ở nước ngoài, anh và bố mẹ đẻ của anh nhất trí chị T ủy quyền cho ông Tống Văn T1 và bà Vũ Thị T2 là bố mẹ đẻ của anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu U. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không đề nghị anh K cấp dưỡng, anh K nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung không có. Chị T đã có văn bản ủy quyền cho ông bà nuôi cháu Tống Thị Tú U, được chính quyền địa phương xác nhận, ông bà nhất trí nhận nuôi cháu U trong thời gian bố mẹ cháu không có nhà và không yêu cầu chị T, anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và những người tham gia tố tụng:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của BLTTDS: Tiếp nhận đơn, thông báo nộp tạm ứng án phí, thông báo thụ lý vụ án và tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định của BLTTDS; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đủ điều kiện đưa ra xét xử theo trình tự tố tụng dân sự sơ thẩm.

+ Đề xuất: Căn cứ các Điều 28, 37, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Tống Văn K. Về con chung: Giao con chung là Tống Thị Tú U, sinh ngày 25/6/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị T làm việc ở nước ngoài, ủy quyền cho ông Tống Văn T1 và bà Vũ Thị T2 là bố mẹ đẻ của anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu U. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh K do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1.]. Chị Trần Thị T, sinh năm 1991 và anh Tống Văn K, sinh năm 1990, có nơi thường trú trước khi xuất cảnh là Xóm G, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 28/9/2024, chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Theo công văn số 4269/PQLNXC(Đ1) ngày 21/10/2024 của Phòng Q Công an tỉnh T xác định: *“Chị Trần Thị T đã xuất cảnh ngày 05/10/2024 qua cửa khẩu N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh; anh Tống Văn K đã được cấp hộ chiếu và xuất cảnh ngày 15/4/2018 qua cửa khẩu N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh”*. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

[2.]. Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết K1 gửi đơn xin ly hôn chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh K ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh K ở nước ngoài. Bản thân chị T cũng có đơn đề nghị vắng mặt, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3.]. Anh K không có văn bản thể hiện quan điểm của mình gửi về cho Tòa án, nhưng thông qua đại diện thân nhân của anh K là ông Tống Văn T1 và bà Vũ Thị T2, có đủ căn cứ xác định anh K vẫn liên hệ với ông bà nhưng ông bà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh K tại Đài Loan cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[4.]. Gửi kèm theo đơn khởi kiện, chị Trần Thị T đã gửi văn bản thể hiện ý kiến quan điểm của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, anh Tống Văn K có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T:

[5.]. Hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Tống Văn K trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào ngày 04/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hạnh phúc cùng với bố mẹ đẻ của anh K. Đến năm 2015, anh chị cùng đi lao động tại Đài Loan, nhưng do công việc khác nhau nên vợ chồng ở xa nhau. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không còn tôn trọng nhau nên. Từ năm 2017, anh chị không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ đó tới nay. Chị T xin ly hôn, anh K nhất trí. Hội đồng xét xử thấy, giữa chị T và anh K đã không còn yêu thương nhau, khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không bên nào có ý định hàn gắn, mà mỗi bên tự lo cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống; chị T có yêu cầu xin ly hôn thì anh K cũng nhất trí. Do

vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh K là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[6.]. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Tống Văn K có 01 con chung là Tống Thị Tú U, sinh ngày 25/6/2012. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con chung, tuy nhiên hiện chị đang lao động tại Đài Loan nên ủy quyền cho ông Tống Văn T1 và bà Vũ Thị T2 là bố mẹ đẻ của anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu U cho đến khi chị về nước. Phía anh K thông qua thân nhân cũng nhất trí với quan điểm của chị T, đồng ý để ông T1 và bà T2 là bố mẹ đẻ của anh chăm cháu U khi anh và chị đều T ở nước ngoài.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ nhỏ cho đến nay cháu U sinh sống cùng ông Tống Văn T1 và bà Vũ Thị T2 là bố mẹ đẻ của anh K và được ông bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian dài khi cả chị T và anh K đi lao động tại Đài Loan. Khi chị T xin ly hôn thì có nguyện vọng được nuôi con, được anh K nhất trí, ông T1 và bà T2 nhất trí tiếp tục chăm sóc cháu U cho đến khi chị T trở về Việt Nam. Hiện cả chị T và anh K đều ở nước ngoài, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu U tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt, học tập khi cha mẹ ly hôn thì đề nghị của chị T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với thực tế, mà vẫn đảm bảo đúng các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung do các bên không yêu cầu.

[7.]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Tống Văn K không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8.]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được chuyển từ dự phí đã nộp sang.

[9.]. Về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Tống Văn K

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Tống Văn K

2. Về con chung: Giao con chung Tống Thị Tú U, sinh ngày 25/6/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Trong thời gian chị T làm việc ở nước ngoài, ủy quyền cho ông Tống Văn T1 và bà Vũ Thị T2 là bố mẹ đẻ của anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng cháu U. Anh K có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K do chị T không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000221 ngày 04/12/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Trần Thị T và anh Tống Văn K được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thủy